

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
Số: 201-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 1981

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ SỐ 201/CP NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 1981
VỀ QUẢN LÝ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 172-CP ngày 3-11-1973 và Nghị định 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Để làm căn cứ cho các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch và quản lý, kinh tế tài chính, bảo đảm huy động và sử dụng tiết kiệm lực lượng lao động, tiền vốn, vật tư và các tài nguyên thiên nhiên khác đạt hiệu quả kinh tế ;

Theo đề nghị của đồng chí chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước.

NGHỊ ĐỊNH

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Từ nay, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, v.v... có sử dụng vật tư, lao động đều phải quản lý bằng định mức kinh tế- kỹ thuật theo quy định trong nghị định này.

Điều 2.- định mức kinh tế - kỹ thuật (dưới đây gọi tắt là định mức) là lượng lao động sống và lao động quá khứ biểu hiện bằngf thời gian lao động, bằng giá trị hoặc hiện vật được phép sử dụng để sản xuất một đơn vị sản phẩm (hoặc thực hiện một khối lượng công việc) theo tiêu

chuẩn, chất lượng quy định và theo quy trình công nghệ hợp lý, trong những điều kiện trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức sản xuất và trình độ quản lý của thời kỳ kế hoạch.

Điều 3.- Định mức kinh tế kỹ thuật phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm là căn cứ tương đối chính xác để xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý kỹ thuật;
- Phù hợp với các điều kiện tổ chức - kỹ thuật của từng thời kỳ kế hoạch;
- Bảo đảm sự thống nhất giữa các loại định mức và phương pháp xây dựng định mức;
- Bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, bảo đảm tính quần chúng, quyền làm chủ tập thể của người lao động và quyền tự chịu trách nhiệm của các đơn vị cơ sở.

Điều 4.- Định mức được chia thành các loại sau đây:

- a) Định mức Nhà nước áp dụng chung cho các ngành, các cấp, được quy định cho những sản phẩm (công việc) chủ yếu, do Nhà nước thống nhất quản lý, xó liên quan đến các cân đối chung của nền kinh tế quốc dân.
- b) Định mức áp dụng trong từng ngành, được quy định cho những sản phẩm (công việc) khi chưa có định mức Nhà nước, khi cần cụ thể hóa định mức Nhà nước, hoặc cho những sản phẩm (công việc) của ngành được phân cấp quản lý.
- c) Định mức tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) áp dụng trong phạm vi tỉnh, được quy định cho những sản phẩm (công việc) khi chưa có định mức Nhà nước, định mức ngành; khi cần cụ thể hóa định mức Nhà nước, định mức ngành; hoặc cho những sản phẩm (công việc) của tỉnh, được phân cấp quản lý.
- d) Định mức huyện, quận và thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) áp dụng trong phạm vi huyện được quy định cho những sản phẩm (công việc) khi chưa có định mức Nhà nước, định mức ngành, định mức tỉnh, thành phố; khi cần cụ thể hoá định mức của cấp trên, hoặc cho những sản phẩm (công việc) của huyện được phân cấp quản lý.
- e) Định mức đơn vị cơ sở áp dụng trong từng đơn vị cơ sở được quy định cho những sản phẩm (công việc) khi chưa có định mức Nhà nước, định mức ngành (đối với xí nghiệp quốc doanh trung ương), định mức địa phương (đối với xí nghiệp quốc doanh địa phương); khi cần cụ thể hoá định mức của cấp trên; hoặc cho những sản phẩm (công việc) của đơn vị cơ sở sản xuất được phân cấp quản lý.

Điều 5.- Định mức đã được phân cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của nghị định này là căn cứ pháp lý để tiến hành các công việc sau đây;

- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch;
- Phân phối và cung ứng vật tư, lao động, tiền vốn...;
- Xác định giá thành và giá chỉ đạo của Nhà nước;
- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch; xem xét chất lượng sản phẩm (công việc); xét thưởng hoặc phạt đối với các đơn vị hoặc cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch.

Trường hợp chưa có định mức chính thức do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc đã có, nhưng cần được sửa đổi bổ sung thì trong khi chờ có định mức chính thức, hội đồng xét duyệt định mức cấp trên quyết định việc áp dụng định mức tạm thời để làm căn cứ tính kế hoạch, tính giá thành và đánh giá công việc quản lý của cấp dưới.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

Điều 6.- Thời gian xây dựng định mức (bao gồm xây dựng, sửa đổi bổ sung định mức) được quy định như sau:

a) Đối với định mức để tính kế hoạch hàng năm.

- Định mức đơn vị cơ sở và định mức huyện phải hoàn thành 8 tháng trước khi bước vào năm kế hoạch.

- Định mức ngành và định mức tỉnh, thành phố phải hoàn thành 6 tháng trước khi bước vào năm kế hoạch .

- Định mức Nhà nước phải hoàn thành 4 tháng trước khi bước vào năm kế hoạch.

b) Đối với định mức để tính kế hoạch 5 năm.

- Định mức đơn vị cơ sở và định mức huyện phải hoàn thành 2 năm trước khi xây dựng kế hoạch 5 năm tiếp theo.

- Định mức ngành và định mức tỉnh, thành phố phải hoàn thành 18 tháng trước khi xây dựng kế hoạch 5 năm tiếp theo.

- Định mức Nhà nước phải hoàn thành 12 tháng trước khi xây dựng kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Điều 7.- khi xây dựng, xét duyệt và ban hành các định mức, các ngành, các cấp phải dựa vào các căn cứ sau đây:

- Các số liệu của tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, công thức chế tạo, quy trình công nghệ, công thức chế tạo, quy trình thao tác và những điều kiện kỹ thuật trong sản xuất;
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm (công việc) do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước quy định;
- Các chỉ tiêu về tiết kiệm tiêu dùng vật tư, tiền vốn, lao động để sản xuất sản phẩm (công việc) được ghi trong các kế hoạch hàng năm và 5 năm;
- Các số liệu thống kê hàng năm và các tài liệu có liên quan khác.

Điều 8.- Về phương pháp xây dựng định mức, các ngành, các cấp có thể, tùy theo đặc điểm kinh tế- kỹ thuật sản xuất, kinh doanh cụ thể mà quyết định vận dụng đồng thời hoặc một phương pháp thích hợp sau đây:

- Phương pháp tổng hợp (trong đó có thống kê, kinh nghiệm; ước lượng so sánh;
- Phương pháp phân tích (trong đó có phân tích khảo sát; thí nghiệm, thực nghiệm; phân tích tính toán).

Điều 9.- Trách nhiệm xây dựng định mức:

a) Thủ trưởng các ngành, các đơn vị cơ sở, chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức (hoặc chỉ đạo việc tổ chức) xây dựng định mức về những sản phẩm (công việc) được phân cấp quản lý (bao gồm cả những định mức trình cấp trên ban hành).

b) Về xây dựng định mức Nhà nước: Định mức đối với những sản phẩm (công việc) thuộc phạm vi quản lý của ngành nào do ngành đó xây dựng trình Chính phủ ban hành.

CHƯƠNG III

XÉT DUYỆT VÀ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC

Điều 10.- Thẩm quyền xét duyệt và ban hành định mức được quy định như sau:

- Định mức Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo đề nghị của thủ trưởng các ngành chủ quản sản phẩm (công việc) sau khi xem xét ý kiến của Hội đồng xét duyệt định mức Nhà nước. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp hoặc ủy quyền cho chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước ban hành các định mức này.